UỶ BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải Phòng
-----*-----

Số: 504 QĐ/UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------*----------

Hải Phòng, ngày 04 tháng 4 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

"V/v:Ban hành các quy chế tạm thời thí điểm thực hiện dân chủ ở cơ sở ."

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Nhân dân và Uỷ ban Nhân dân các cấp;

-Căn cứ Chỉ thị số 30/TC-TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ;

- Căn cứ Thông báo số 89 / TB-TUngày 05/02/1998 của Thường trực Thành uỷ Hải Phòng về đẩy mạnh xây dựng thiết chế dân chủ ở cơ sở;

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Ban hành kèm theo Quyết định này các quy chế tạm thời thí điểm thực hiện dân chủ ở cơ sở gồm:

1- Quy chế tạm thời thực hiện dân chủ ở các Doanh nghiệp Nhà nước.

2- Quy chế tạm thời thực hiện dân chủ ở các xã, thị trấn.

3- Quy chế tạm thời thực hiện dân chủ ở phường.

4- Quy chế tạm thời thực hiện dân chủ ở Trường học.

Điều II: 1- Thành lập các tổ công tác triển khai thí điểm các quy chế tạm thời thực hiện dân chủ ở cơ sở, phân công Tổ trưởng các tổ công tác này trên cơ sở các tổ công tác và Tổ trưởng thuộc Ban chỉ đạo thí điểm dân chủ ở cơ sở của Thành uỷ gồm:

a. Tổ công tác triển khai thí điểm quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ ở Doanh nghiệp Nhà nước; Đồng chí Trưởng Ban Kinh tế Thành uỷ làm Tổ trưởng tổ công tác.

b. Tổ công tác triển khai thí điểm quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ ở xã, thị trấn; Đồng chí Trưởng Ban Dân vận Thành uỷ làm Tổ trưởng tổ công tác.

c. Tổ công tác triển khai thí điểm quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ ở phường; Đồng chí trưởng Ban Tổ chức Chính quyền thành phố làm Tổ trưởng tổ công tác.

d. Tổ công tác triển khai thí điểm quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ ở trường học; Đồng chí trưởng Ban Tuyên giáo Thành uỷ làm Tổ trưởng tổ công tác.

09

2- Tổ trưởng tổ công tác có trách nhiệm tổ chức hoạt động của tổ công tác giúp Uỷ ban Nhân dân thành phố tổ chức hướng dẫn; tổng hợp các vấn đề phát sinh, nghiên cứu và đề xuất bổ sung, hoàn chỉnh để ban hành chính thức quy chế thực hiện dân chủ trong thời gian tới.

- Giao cho Ban tổ chức Chính quyền thành phố phối hợp với Ban Dân vận Thành uỷ và các Ban của Thành uỷ tổng hợp tình hình phản ánh của các tổ công tác thường xuyên báo cáo Uỷ ban Nhân dân thành phố.

Điều III: 1- Tổ chức chỉ đạo thí điểm triển khai quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ ở 8 đơn vị theo kế hoạch số 24 ngày 17/2/1998 của Ban chỉ đạo thành phố như sau:

a. Công ty Thảm len Hàng kênh; Công ty Sơn Hải phòng.

b. Xã Đặng Cương; xã An Đồng thuộc huyện An Hải.

c. Phường Lê Lợi; phường Đổng Quốc Bình thuộc quận Ngô quyền.

d. Trường phổ thông trung học kỹ thuật Hồng Bàng, trường phổ thông cơ sở Nguyễn Trãi Hồng Bàng.

2- Uỷ ban Nhân dân các quận, huyện, thị xã, các ngành của thành phố có trách nhiệm tổ chức thực hiện thí điểm quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ tại cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp, ngành mình để rút kinh nghiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện, bổ sung hoàn chỉnh ban hành quy chế chính thức.

Điều IV: Quy chế tạm thời về thực hiện dân chủ ở 4 lĩnh vực nói tại điều I của Quyết định này chỉ áp dụng ở các đơn vị được chọn làm thí điểm và trong thời hạn từ 15/4 đến 15/7/1998.

Điều V: Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Trưởng Ban tổ chức Chính quyền thành phố, Tổ trưởng các tổ công tác triển khai thí điểm quy chế về thực hiện dân chủ ở cơ sở; Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân các quận, huyện, thị xã, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành thành phố, các cơ quan, đơn vị thực hiện thí điểm chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

T/M. UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CHỦ TỊCH

Trần Huy Năng

Nơi nhận:
-CP, VPCP
- TTTU, TTHĐNDTP
- Đ/C Bí thư TU, CT HĐNDTP
- CT UBND TP
- Các PCT UBND TP
- Các ngành , UBND quận, huyện, thị xã, các Ban của Thành uỷ, VPTU
- CPVP
- Các tổ CV
- Lưu VP

10

QUY CHẾ TẠM THỜI
VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 524/1998/QĐ-UB
ngày 4 tháng 4 năm 1998 của UBND Thành phố Hải Phòng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Quy chế thực hiện dân chủ ở DNNN bao gồm những quy định về thực hiện quyền làm chủ của người lao động ở DNNN nhằm mục đích:

1- Cụ thể hoá phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", phát huy quyền làm chủ đại diện thông qua tổ chức công đoàn và làm chủ trực tiếp của người lao động trong xây dựng và phát triển DNNN, góp phần thực hiện được vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong sự nghiệp CNH, HĐH; bảo đảm hài hoà lợi ích của Nhà nước, lợi ích của doanh nghiệp và lợi ích của người lao động.

2- Tạo điều kiện để người lao động trong doanh nghiệp (giám đốc và công nhân viên chức) phát huy tinh thần lao động sáng tạo, được hưởng quyền lợi phù hợp với kết quả đóng góp và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, cải thiện đời sống, tạo thêm việc làm; thiết thực tham gia quản lý doanh nghiệp, thực hành tiết kiệm chống tham ô, lãng phí, tham nhũng; tham gia xây dựng Đảng, xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, xây dựng đội ngũ cán bộ quản trị doanh nghiệp có năng lực và trong sạch.

3- Thực hiện mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; quyền lợi đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ; dân chủ được thể chế hoá thành các văn bản pháp lý, dân chủ trong khuôn khổ pháp luật; khắc phục tình trạng vô kỷ luật, dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để gây rối.

Điều 2: Phát huy quyền làm chủ của người lao động ở DNNN phải đi đôi với nâng cao trình độ, hiệu lực quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp; nâng cao trình độ dân trí, hiểu biết luật pháp của người lao động và của cán bộ quản lý doanh nghiệp. Mọi người trong doanh nghiệp cần phải hiểu rõ quyền và nghĩa vụ trước pháp luật và các nội quy, quy định chung của doanh nghiệp.

Điều 3: Đảng bộ trong doanh nghiệp Nhà nước là hạt nhân chính trị, thống nhất lãnh đạo Hội đồng quản trị (ở những DNNN có Hội đồng quản trị), giám đốc điều hành, các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS HCM... thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của CNVC làm động lực thúc đẩy sự phát triển toàn diện của doanh nghiệp.

Chương II

NHỮNG VIỆC NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DNNN CẦN BIẾT.

Điều 4: Những việc người lao động trong DNNN cần biết:

1- Phương hướng, nhiệm vụ phát triển sản xuất kinh doanh dài hạn và từng năm của doanh nghiệp; đặc biệt là nhiệm vụ quản lý và sản xuất của phòng ban, phân xưởng, tổ (đội) sản xuất, nơi người lao động làm việc; những thuận lợi, những ưu điểm cần phát huy, những khó khăn yếu kém cần khắc phục về thị trường tiêu thụ, về vốn, về khả năng cạnh tranh...

2- Những chế độ, chính sách của Nhà nước có liên quan trực tiếp đối với người lao động (về chế độ tuyển dụng, cho thôi việc, đào tạo và đào tạo lại; về chế độ tiền lương và thu nhập, bảo hiểm xã hội; về phân phối lợi nhuận và trích lập, sử lụng các quỹ của doanh nghiệp; về chủ trương sắp xếp lại và cổ phần hoá DN...).

3- Các nội quy của doanh nghiệp, phân xưởng, tổ (đội), nơi làm việc; quy chế của doanh nghiệp về: tuyển dụng, cho thôi việc, thuyên chuyển điều động lao động, thời gian làm việc, làm thêm giờ, nghỉ ngơi được hưởng lương, không được hưởng lương; trả lương, thưởng; phân chia lợi tức cổ phần, cổ phiếu; chế độ hiếu hỉ; đề bạt cán bộ; đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ; khen thưởng, kỷ luật và trách nhiệm vật chất; bảo vệ tài sản, bảo vệ bí mật sản xuất kinh doanh và uy tín của doanh nghiệp; quy trình công nghệ tại nơi làm việc; chế dộ sử dụng máy móc, thiết bị; sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu; định mức lao động, vật tư; thực hiện an toàn lao động; giữ gìn vệ sinh môi trường nơi làm việc; phòng gian, phòng hoả; đấu thầu, đấu giá; huy động vốn...

4- Công khai tài chính trong doanh nghiệp:

- Doanh nghiệp Nhà nước có nghiã vụ công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm trong nội bộ doanh nghiệp nhằm thông báo các thông tin để đánh giá đúng đắn và khách quan về hoạt động của doanh nghiệp (tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động kinh doanh, mức thu nhập và các quyền lợi khác); nhằm thực hiện quyền làm chủ và tham gia giám sát bộ máy lãnh đạo của doanh nghiệp, động viên người lao động gắn bó xây dựng doanh nghiệp phát triển. Thông báo tình hình tài chính trong doanh nghiệp về các chỉ tiêu:

+ Doanh thu của doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh và từ các hoạt động khác (các khoản thu từ hoạt động đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; thu từ hoạt động mua bán tín phiếu, trái phiếu, cổ phiếu; thu từ cho thuê, bán tài sản; thu từ hoạt động liên doanh, góp vốn cổ phần; thu từ hoạt động liên kết; thu lãi tiền gửi, tiền cho vay...).

12

+ Đầu tư phát triển, chi cho đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ của người lao động.

+ Các khoản chi của doanh nghiệp cho hoạt động quản lý, cho tiếp khách, giao dịch, đối ngoại và chi hoa hồng môi giới; các khoản phạt doanh nghiệp.

+ Giá cả đầu vào; dịch vụ mua sắm trang bị, nguyên vật liệu chính, phụ... giá đầu ra sản phẩm của doanh nghiệp.

+ Thực hiện nghĩa vụ nộp thuế; các khoản trích nộp theo quy định của Nhà nước (bảo hiểm xã hội , bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn...).

+ Lỗ, lãi và nguyên nhân khách quan, chủ quan; khả năng và biện pháp tăng lãi hoặc khắc phục lỗ.

+ Chi tiêu đầu tư phát triển doanh nghiệp trong xây dựng cơ bản, đầu tư thiết bị máy móc, mua bán bí quyết công nghệ.

+ Chi trang thiết bị điều kiện làm việc, sửa chữa, bảo quản thiết bị máy móc ở nơi làm việc.

+ Trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế (quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm, quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng, chia lãi cổ phiếu, cổ phần); chi cho mục đích nhân đạo, xã hội. Nguồn và trích lập các quỹ của phân xưởng, tổ (đội) sản xuất.

- Hàng quý Giám đốc phải thông báo tình hình vốn và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp; tình hình công nợ và nguyên nhân; những khó khăn và biện pháp huy động vốn trong và ngoài doanh nghiệp; biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cho cán bộ chủ chốt của doanh nghiệp (Thường vụ Đảng uỷ, Chủ tịch và Phó chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS HCM, Trưởng phó phòng, phân xưởng trưởng).

5- Kế hoạch và thực hiện tuyển dụng, sắp xếp lại lao động; đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động.

6- Tiêu chuẩn cán bộ, quy trình và phân cấp để bạt cán bộ từ tổ (đội) sản xuất trở lên.

7- Công khai kế hoạch hoạt động của Ban thanh tra nhân dân và kết quả thanh tra các đơn thư khiếu nại và tố cáo.

8- Thông báo nghị quyết đại hội của các tổ chức cơ sở Đảng và các cấp uỷ có liên quan đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Nghị quyết của Tổ chức công đoàn, Đoàn TNCS HCM trong doanh nghiệp.

Điều 5 : Dưới sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng, Hội đồng quản trị, giám đốc doanh nghiệp phối hợp chặt chẽ với tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh... bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời những nội dung người lao động cần được biết, bằng nhiều hình thức phù hợp:

1- Đại hội công nhân viên chức (toàn thể hoặc đại biểu) tiến hành từ tổ (đội) sản xuất đến toàn doanh nghiệp.

2- Phổ biến trong các cuộc họp toàn thể doanh nghiệp hoặc ở phân xưởng, tổ (đội) sản xuất, phòng ban do chuyên môn tổ chức.

3- Thông báo tại các cuộc họp của tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh...

4- Thông báo bằng văn bản và các ấn phẩm ích báo gửi đến từng tổ (đội) sản xuất, từng phân xưởng, hoặc niêm yết công khai tại địa điểm thuận lợi trong doanh nghiệp. Cho học tập quán triệt đối với những người lao động mới tuyển dụng trước khi vào làm việc tại doanh nghiệp.

5- Thông báo qua hệ thống truyền thanh trong doanh nghiệp.

6- Hội đồng quản trị, Giám đốc doanh nghiệp, Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch công đoàn, Bí thư Đoàn TNCS HCM của doanh nghiệp tổ chức tiếp và giải đáp những vấn đề do người lao động đặt ra.

Chương III
NHỮNG VIỆC NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DNNN ĐƯỢC THAM GIA Ý KIẾN

Điều 6: Những việc người lao động tham gia ý kiến, Giám đốc doanh nghiệp tham khảo hoặc thoả thuận với người lao động trước khi quyết định:

1- Thảo luận xác định phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh dài hạn và hàng năm của doanh nghiệp và của phân xưởng, tổ (đội) sản xuất; đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp.

2- Các biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh, cải tiến cơ cấu sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh, huy động vốn, sắp xếp lại sản xuất, thực hiện cổ phần hoá; Các dự án tự đầu tư, liên doanh, liên kết trong và ngoài nước.

3- Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế trong doanh nghiệp, phân xưởng, tổ (đội) sản xuất, phòng ban (ghi ở điều 4.3).

4- Các biện pháp đổi mới công nghệ, thiết bị; xây dựng các định mức kinh tế, kỹ thuật, cải tiến tổ chức lao động, bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý thiết bị máy móc, bảo vệ môi trường, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của người lao động.

5- Nội dung thoả ước lao động tập thể để kí kết giữa Giám đốc và Chủ tịch công đoàn hoặc đại diện công đoàn; nội dung chủ yếu gồm: những cam kết về việc làm và bảo đảm việc làm; thời gian nghỉ ngơi; tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp lương; định mức lao động; an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo hiểm xã hội, phúc lợi xã hội.

6- Thoả thuận hợp đồng lao động trực tiếp giữa từng người lao động với Giám đốc hoặc đại diện của Giám đốc doanh nghiệp, gồm những nội dung chủ yếu là: công việc phải làm, thời giờ làm việc, thời gian nghỉ ngơi, tiền lương, địa điểm làm việc, thời hạn hợp đồng, điều kiện về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo hiểm xã hội đối với người lao động.

7- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, trích nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ đối với địa phương, trích lập và sử dụng các quỹ lợi nhuận sau thuế (quỹ khen thưởng và phúc lợi), chi cho hoạt động quản lý, cho tiếp khách, hội họp, giao dịch, đối ngoại, chi hoa hồng môi giới, chi phí hoạt động công đoàn...

Điều 7: Những việc người lao động tham gia ý kiến để các tổ chức quản lý cấp trên và các tổ chức Đảng, đoàn thể ở doanh nghiệp tham khảo trước khi quyết định:

1- Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp từ tổ sản xuất trở lên; bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với HĐQT, Giám đốc doanh nghiệp.

2- Xây dựng chương trình hoạt động và đánh giá kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.

3-Tổ chức và nội dung của Đại hội công nhân viên chức doanh nghiệp từ tổ sản xuất theo Luật Công đoàn và hướng dẫn của Tổng LĐLĐ Việt Nam.

4- Xây dựng Nghị quyết của Đại hội tổ chức Đảng cơ sở và của cấp uỷ về những vấn đề có liên quan đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

5- Nội dung hoạt động của tổ chức cơ sở Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh....

Điều 8: Những phương thức chủ yếu để người lao động tham gia ý kiến vào việc quản lý doanh nghiệp mà Giám đốc phải tổ chức thực hiện hoặc tạo điều kiện cho tổ chức Đảng, đoàn thể tổ chức thực hiện.

1- Thông qua quá trình thảo luận, chuẩn bị và tiến hành Đại hội CNVC của doanh nghiệp từ tổ (đội) sản xuất lên.

2- Tại Hội nghị CNVC toàn doanh nghiệp hoặc từng phân xưởng, tổ (đội) sản xuất.

3- Thông qua việc thảo luận, bàn bạc để thương lượng về nội dung thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động.

4- Cấp uỷ Đảng cơ sở, Ban chấp hành công đoàn cơ sở, Đoàn TNCS HCM tại doanh nghiệp tổ chức lấy ý kiến của công nhân viên chức.

5- Tiếp xúc trực tiếp giữa Giám đốc và công nhân viên chức theo lịch hoặc yêu cầu đột xuất.

6- Đặt hòm thư góp ý kiến ở những địa điểm thuận lợi trong doanh nghiệp.

7- Những nội dung người lao động tham gia mà không được chấp nhận thì HĐQT, Giám đốc, Phân xưởng trưởng, Tổ trưởng sản xuất, Trưởng các phòng ban phải giải thích, trả lời trước khi ban hành thực hiện.

Chương IV
NHỮNG VIỆC NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DNNN ĐƯỢC QUYẾT ĐỊNH

Điều 9: Những việc người lao động trong DNNN được quyết định đối với việc quản lý doanh nghiệp bao gồm:

1- Biểu quyết tại Đại hội công nhân viên chức thông qua thoả ước lao động tập thể, hoặc bổ sung, sửa đổi để Chủ tịch Công đoàn hoặc người đại diện và Giám

16

đốc ký kết ngay tại Đại hội CNVC; nếu chưa thoả thuận được thì tiếp tục lấy ý kiến và thương lượng để tổ chức ký kết sau theo ấn định cụ thể của Đại hội CNVC.

2- Trực tiếp và bình đẳng bàn bạc với Giám đốc hoặc đại diện giám đốc và tự quyết định ký kết hợp đồng lao động; được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Bộ Luật lao động. Người lao động có thể giao kết một hay nhiều hợp đồng lao động, nhưng phải bảo đảm thực hiện đầy đủ các hợp đồng giao kết.

3- Biểu quyết tại Đại hội CNVC thông qua các quy định và nội quy của doanh nghiệp; đặc biệt quy định sử dụng các quỹ có liên quan trực tiếp đến lợi ích của người lao động (quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng, quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm) theo văn bản hướng dẫn của Nhà nước và tình hình thực tế của doanh nghiệp.

4- Bầu đại biểu đương nhiệm của tổ chức công đoàn tham gia Hội đồng quản trị (ở những nơi có HĐQT), Ban Kiểm soát tại Đại hội CNVC.

5- Bầu Ban thanh tra nhân dân tại Đại hội CNVC.

6- Khiếu nại và tố cáo với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quyết định hoặc việc làm trái pháp luật, hoặc vi phạm các điều khoản trong quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp của mọi tổ chức và cá nhân gây ra thiệt hại hoặc đe doạ gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, của doanh nghiệp, của tập thể và lợi ích hợp pháp của công dân. Người bị khiếu nại, tố cáo có quyền trả lời và kiến nghị theo quy định của Pháp lệnh khiếu nại, tố cáo của công dân. Danh tính của người khiếu nại, tố cáo phải được giữ bí mật hoặc công khai tuỳ theo yêu cầu của họ. Mặt khác họ phải chịu trách nhiệm về tính chính xác trong các đơn thư khiếu nại, tố cáo đó.

7- Kiến nghị đối với Giám đốc doanh nghiệp khi thấy bị vi phạm về quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác, về thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và trong quá trình học nghề. Các tranh chấp lao động, bao gồm cả việc đình công, phải được giải quyết theo quy định của Bộ Luật lao động.

8- Tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp có quyền nộp đơn đến Toà án nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, yêu cầu giải quyết việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không trả được lương người lao động 3 tháng liên tiếp theo Luật phá sản doanh nghiệp; tham dự hội nghị các chủ nợ, xem xét, thông qua phương án hoà giải, tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hoặc kiến nghị với thẩm phán về việc phân chia tài sản còn lại của doanh nghiệp, nếu không có phương án hoà giải hoặc phương án hoà giải không được thông qua.

9- Ở doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hoá, mọi người lao động đều có quyền mua cổ phiếu, trở thành cổ đông, được quyền dự Đại hội cổ đông vào cuối mỗi năm tài chính để giải quyết công việc thuộc hoạt động kinh doanh của công ty trong khuôn khổ Điều lệ, về các việc chủ yếu là : quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển công ty và kế hoạch kinh doanh hàng năm; thảo luận và thông qua bảng tổng kết năm tài chính; bầu, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên; quyết định số lợi nhuận trích lập và các quỹ của công ty, số lợi nhuận chia cho các cổ đông, phân chia trách nhiệm về các thiệt hại xảy ra đối với công ty trong kinh doanh; xem xét quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về tài chính của công ty, xem xét sai phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho công ty. Đại hội CNVC tổ chức trong các công ty cổ phần có quyền kiến nghị với Đại hội cổ đông, HĐQT, Giám đốc điều hành thực hiện đúng các chính sách của Nhà nước, Điều lệ công ty và thoả ước lao động tập thể.

Điều 10: Quyền quyết định của người lao động trong doanh nghiệp Nhà nước được thực hiện thông qua các phương thức sau:

1- Tổ chức Đại hội CNVC

2- Hội nghị CNVC toàn doanh nghiệp hoặc phân xưởng, tổ (đội) sản xuất.

3- Tổ chức Công đoàn của doanh nghiệp.

4- Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo; quyền tham gia giải quyết tranh chấp lao động; tổ chức ký kết hợp đồng lao động.

Chương V
NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 11: Người lao động trong DNNN có nghĩa vụ thực hiện Hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (bao gồm những nội dung đã ghi ở Điều 6-5 và 6-6); chấp hành kỷ luật lao động, các nội quy, quy định của doanh nghiệp; tuân theo sự điều hành hợp pháp của Giám đốc hoặc đại diện của Giám đốc doanh nghiệp và của người lãnh đạo trực tiếp.

Điều 12: Phát huy quyền làm chủ của người lao động ở DNNN trước hết là trách nhiệm của từng người lao động tại doanh nghiệp. Người lao động phải tự giác học tập, bồi dưỡng, không ngừng nâng cao trình độ, năng lực quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề và hiểu biết luật pháp để thực hiện nghĩa vụ và quyền làm chủ tham gia xây dựng và phát triển doanh nghiệp.

Chương VI

QUYỀN GIÁM SÁT, KIỂM TRA CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Điều 13: Về nguyên tắc, tập thể lao động và người lao động trong DNNN có quyền giám sát, kiểm tra tất cả các nội dung đã được công khai đến người lao động (ghi ở điều 4); trong đó đặc biệt chú ý thực hiện quyền giám sát, kiểm tra về:

1- Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội công nhân viên chức.

3- Thực hiện các nội quy, quy định của doanh nghiệp.

4- Thực hiện thoả ước lao động tập thể đã ký kết.

5- Thực hiện hợp đồng lao động đã ký kết.

6- Thực hiện các chính sách, chế độ của Nhà nước, nộp thuế và làm nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước và xã hội.

7- Giải quyết các tranh chấp lao động.

8- Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

Điều 14: Việc thực hiện quyền giám sát, kiểm tra của người lao động tại doanh nghiệp thông qua các phương thức và tổ chức chủ yếu là:

1- Thực hiện nghiêm túc việc công khai đến người lao động về những nội dung ở điều 4.

2- Thông qua đại diện của Công đoàn trong HĐQT; hoạt động của tổ chức Đảng, tổ chức Công đoàn, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ...tại doanh nghiệp.

3- Thực hiện việc kiểm toán theo quy định của Nhà nước.

4- Ban Thanh tra nhân dân do Ban chấp hành Công đoàn cơ sở chỉ đạo hoạt động theo Pháp lệnh thanh tra có quyền yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho giám sát, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước tại doanh nghiệp; khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì lập biên bản, kiến nghị với Giám đốc doanh nghiệp hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết và giám sát việc thực hiện kiến nghị đó; thông qua hoạt động, kiến nghị với Giám đốc doanh nghiệp kịp thời khắc phục những sai sót, sơ hở trong quản lý điều hành. Nếu Giám đốc không thực hiện thì Ban thanh tra nhân dân có quyền kiến nghị lên cơ quan

19

thanh tra cấp trên. Giám đốc phải bị xử lý hành chính hoặc phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về những vi phạm hoặc bao che cho những hành vi vi phạm Pháp luật trong doanh nghiệp.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15: Quy chế này được thực hiện trong DNNN theo điều 1, điều 2 của Luật DNNN. Căn cứ vào quy chế tạm thời này, dưới sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng, Giám đốc doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh... xây dựng quy định cụ thể đến từng phân xưởng, tổ (đội) sản xuất. Phát huy quyền làm chủ của người lao động ở DNNN là trách nhiệm của tổ chức cơ sở Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh... Giám đốc và bộ máy quản lý doanh nghiệp. Phải coi việc phát huy quyền làm chủ của người lao động là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở Đảng, các đoàn thể và bộ máy quản lý doanh nghiệp.

Điều 16: Các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Giám đốc các Sở, ngành tổ chức chỉ đạo thực hiện, theo dõi tình hình, kịp thời rút kinh nghiệm, phát huy ưu điểm, uốn nắn các lệch lạc trong thực hiện quyền làm chủ của người lao động tại DNNN. Sáu tháng một lần phải có báo cáo lên Ban Thường vụ Thành uỷ và UBND Thành phố tình hình thực hiện cũng như những kiến nghị bổ sung, sửa đổi cần thiết.

Điều 17: Kiện toàn bộ máy và năng lực hoạt động của hệ thống Công đoàn, chú trọng kiện toàn tổ chức Công đoàn ở DNNN, phối hợp chặt chẽ với các cấp chính quyền và các đoàn thể, nâng cao vai trò của công đoàn trong phát huy quyền làm chủ của người lao động tại DNNN.

Điều 18: Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh... trong doanh nghiệp có trách nhiệm bảo vệ và khen thưởng động viên những người đấu tranh chống tiêu cực và kiến nghị xử lý nghiêm theo pháp luật những biểu hiện trù dập, ngăn cản đấu tranh chống tiêu cực; đồng thời có biện pháp giáo dục, ngăn chặn, xử lý những hành động lợi dụng dân chủ, gây mất đoàn kết, ảnh hưởng xấu đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 19 : Quy chế này không thay cho các văn bản pháp quy hiện hành. Quá trình thực hiện sẽ rút kinh nghiệm bổ khuyết hoàn chỉnh quy chế chính thức.

20

QUI CHẾ TẠM THỜI VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở PHƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 504 /QĐ-UB ngày 04 tháng 4 năm 1998 của UBND thành phố Hải Phòng)

Chương I

Những qui định chung

Điều 1 : Qui chế dân chủ ở phường nhằm :

Cụ thể hoá phương chấm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" tạo cơ sở pháp lý để nhân dân trực tiếp tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội; chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xây dựng chính quyền phường trong sạch vững mạnh, thực sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân .

Điều 2 : Dưới sự lãnh đạo của tổ chức Đảng ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân đi đôi với nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND và UBND. Tăng cường vai trò kiểm tra, giám sát của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng .

Điều 3 : Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương và trong khuôn khổ của Hiến pháp, Pháp luật; quyền lợi đi đôi với nghĩa vụ. Phát huy dân chủ đồng thời kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ vi phạm Hiến pháp, Pháp luật và vi phạm quyền tự do, dân chủ của nhân dân .

Điều 4 : Phát huy dân chủ gắn liền với phát triển kinh tế-xã hội, cải thiện dân sinh và nâng cao dân trí, bảo đảm quốc phòng an ninh. Tạo điều kiện để nhân dân nắm vững pháp luật, hiểu rõ và sử dụng đúng quyền làm chủ của mình trong đời sống, kinh tế-xã hội và xây dựng Nhà nước .

Chương II

Những việc nhân dân cần biết

Điều 5 : Những việc nhân dân ở phường cần biết :

1 - Quyền và nghĩa vụ công dân, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước ~~nhân dân cần biết~~ .

2 - Các qui định của Nhà nước và địa phương về thủ tục hành chính giải quyết các công việc liên quan đến dân.

3 - Các nghị quyết, quyết định của Đảng ủy, HĐND, UBND Phường và của cấp trên có liên quan đến nhân dân phường .

4 - Những qui định của các cơ quan liên quan trực tiếp đến đời sống, dân sinh trên địa bàn phường như điện, nước, điện thoại, vệ sinh môi trường ~~...~~ .

5 - Các khoản thu, chi ngân sách ở Phường theo qui định của Nhà nước .

6 - Các chương trình dự án do Nhà nước, các tổ chức, cá nhân đầu tư cho Phường .

7 - Chủ trương biện pháp và thủ tục vay vốn phát triển sản xuất, xoá đói giảm nghèo .

8 - Qui hoạch đô thị, kế hoạch phân bổ sử dụng đất đai ở phường , chủ trương phương án đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất sử dụng việc công .

9 - Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ phường, cụm , khu dân cư, tổ dân phố .

10 - Việc điều chỉnh, thay đổi địa giới hành chính, đơn vị hành chính phường và các đơn vị hành chính liên quan .

11 - Công tác văn hoá, xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội .

12 - Những vấn đề chủ yếu có liên quan đến dân trong báo cáo sơ kết, tổng kết hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở phường .

Điều 6 : HĐND, UBND phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở phường, các trưởng cụm, khu dân cư, tổ trưởng tổ dân phố cung cấp thông tin kịp thời cho nhân dân biết thông qua các hình thức :

1 - Bằng các văn bản gửi tới từng hộ gia đình .

2 - Niêm yết công khai nội dung thông tin tại trụ sở UBND phường và tại các bảng tin ở cụm, khu dân cư, tổ dân phố .

3 - Hệ thống phát thanh, truyền thanh phường, cụm, khu dân cư và các tổ chức văn hoá, thông tin, tuyên truyền cơ sở .

4 - Các cuộc tiếp xúc cử tri với đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp ở địa bàn phường .

5 - Các kỳ họp của HĐND phường, các cuộc họp của Ủy ban Mặt trận tổ quốc, đoàn thể nhân dân, các Hội phường, các cuộc họp của cụm, khu dân cư, tổ dân phố .

6 - Tổng kết cuối năm, kiểm điểm hoạt động của HĐND, UBND phường, báo cáo kiểm điểm công tác của Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND phường .

Chương III

Những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

Điều 7 : Nhân dân ở phường, cụm, khu dân cư, tổ dân phố bàn và quyết định trực tiếp những công việc chủ yếu sau :

1 - Chủ trương, biện pháp và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng ở phường (ngõ nghẽn, công trình thể thao văn hoá, nhà tình nghĩa...)

2 - Lập , thu, chi các loại quĩ không trái pháp luật .

3 - Xây dựng qui ước của cộng đồng (khu dân cư) trên cơ sở luật pháp cho phép, nhằm giải quyết những vấn đề chung thiết thực đến quyền và nghĩa vụ của công dân trong nội bộ cộng đồng (xây dựng nếp sống văn minh đô thị, gia đình văn hoá, an ninh trật tự xã hội, bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội ...).

4 - Củng cố tổ chức và hoạt động của Ban thanh tra nhân dân phường theo qui định của pháp luật .

5 - Thành lập Ban giám sát các công trình xây dựng do dân đóng góp

6 - Biện pháp khai thác và phát triển các ngành, nghề truyền thống ở phường; phát triển hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, hướng dẫn các lễ hội cổ truyền, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh ở phường .

Điều 8 : Phương thức thực hiện những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp :

Đảng ủy lãnh đạo, UBND phường xây dựng phương án, chương trình, kế hoạch, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc chỉ đạo, tổ chức nhân dân bàn, quyết định bằng một trong các hình thức :

1 - Họp nhân dân ở từng cụm, khu dân cư, tổ dân phố thảo luận và biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín, lập biên bản gửi UBND phường chọn lọc và lập kế hoạch chỉ đạo thực hiện .

2 - Họp chủ hộ, biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín, lập biên bản gửi UBND phường tổng hợp .

3 - Phát phiếu lấy ý kiến của từng hộ gia đình .

Căn cứ vào đa số ý kiến của nhân dân hoặc chủ hộ gia đình hoặc đa số cụm, khu dân cư, tổ dân phố; UBND phường bàn và quyết định các nội dung nêu trên (ghi ở điều 7) đồng thời tổ chức thực hiện có sự giám sát, kiểm tra của Ban thanh tra nhân dân phường hoặc Ban giám sát công trình do dân cử .

Điều 9 : Ngoài những khoản đóng góp ghi ở Điều 6, những khoản nhân dân ủng hộ với mục đích tương trợ, nhân đạo, từ thiện do chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các Hội phường, tuyên truyền, vận động nhân dân theo nguyên tắc tự nguyện, không được áp đặt .

Chương IV

Những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến, HĐND, UBND Phường quyết định

Điều 10 : Những việc chủ yếu đưa ra nhân dân bàn, tham gia ý kiến, HĐND, UBND phường quyết định (hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định) gồm có :

1 - Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hàng năm của phường, phương án phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm cho người lao động ở phường .

2 - Chủ trương, phương án sử dụng đất công ích tại phường .

3 - Dự thảo qui hoạch khu dân cư mới ở phường .

4 - Dự thảo phương án điều chỉnh địa giới hành chính phường, thay đổi đơn vị hành chính đối với phường .

5 - Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình Quốc gia về y tế cơ sở, nước sạch, vệ sinh môi trường, dân số-kế hoạch hoá gia đình, chương trình xoá đói giảm nghèo, phát triển sự nghiệp giáo dục, văn hoá, thể thao, các chương trình, kế hoạch vận

7 - Thu, chi các loại quĩ và lệ phí theo qui định của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân .

8 - Kết quả giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ phường, những hành vi vi phạm pháp luật ở trên địa bàn phường mà nhân dân kiến nghị, tố cáo .

9 - Việc thực hiện chế độ đối với các đối tượng trong diện chính sách .

Điều 16 : Phương thức thực hiện những việc nhân dân giám sát, kiểm tra :

1 - Thông qua các tổ chức : Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh phường .

2 - Thông qua Ban thanh tra nhân dân phường được lập và hoạt động theo pháp luật .

3 - Thông qua việc tiếp dân của UBND, HĐND phường.

4 - Thông qua việc định kỳ thông báo kết quả giải quyết các công việc của HĐND và UBND phường .

Chương VII

Dân chủ trong cộng đồng cụm, khu dân cư, tổ dân phố

Điều 17 : Cụm dân cư, khu dân cư (gọi chung là khu dân cư) là nơi sinh sống của cộng đồng dân cư; là nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi nhất, nhằm giải quyết các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư .

Hội nghị khu dân cư được tổ chức 6 tháng một lần hoặc bất thường gồm toàn thể cử tri hoặc đại diện hộ gia đình do Trưởng khu dân cư phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận Tổ quốc ở khu dân cư triệu tập và chủ trì nhằm :

1 - Dân chủ bàn bạc, quyết định các công việc của cộng đồng dân cư về sản xuất, dịch vụ, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng, đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, sinh hoạt và đời sống, những vấn đề về văn hoá, xã hội, vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự an toàn xã hội ...

2 - Bàn biện pháp thực hiện Nghị quyết của HĐND phường, các quyết định, chỉ thị, kế hoạch của UBND phường, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân .

3 - Thảo luận, góp ý kiến về báo cáo kiểm điểm công tác của Trưởng khu dân cư, của Chủ tịch HĐND và Chủ tịch UBND phường .

4 - Bầu, miễn nhiệm Trưởng khu dân cư; tham gia xây dựng Qui ước của Phường, của khu dân cư ; thành lập các tổ tự quản của nhân dân .

Nghị quyết của hội nghị có giá trị thực hiện khi có ít nhất quá nửa số người dự họp tán thành và không trái pháp luật .

Điều 18 : Khu dân cư xây dựng qui ước về giải quyết các công việc và mối quan hệ trong nội bộ cộng đồng dân cư, kế thừa và phát huy thuần phong mỹ tục của cộng đồng, phù hợp với qui định của pháp luật (trong xây dựng nếp sống văn minh đô thị, bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục, tệ nạn xã hội trong nội bộ cộng đồng) .

Điều 19 : Khu dân cư thành lập các tổ chức tự quản : tổ hoà giải, tổ an ninh nhân dân, tổ bảo vệ sản xuất, tổ kiến thiết xây dựng ... tùy theo tình hình cụ thể của

động nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, ngăn chặn việc truyền bá văn hoá phản động, đồi trụy, bài trừ mê tín, hủ tục, phòng chống các tệ nạn xã hội .

6 - Các dự thảo báo cáo của HĐND và UBND phường .

Điều 11: Phương thức thực hiện những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến, HĐND, UBND quyết định :

1 - Họp nhân dân hoặc đại diện hộ gia đình cụm, khu dân cư; tổ dân phố thảo luận tổng hợp ý kiến, ghi biên bản gửi HĐND, UBND phường tổng hợp .

2 - Họp các đoàn thể nhân dân, các tổ chức kinh tế để thảo luận, tổng hợp ý kiến, ghi biên bản gửi HĐND, UBND phường tổng hợp .

3 - Phát phiếu thăm dò ý kiến của từng hộ gia đình .

4 - Đặt hòm thư góp ý, UBND phường tổng hợp ý kiến nhân dân tham gia .

Chương V

Những việc nhân dân làm

Điều 12 : Nhân dân có trách nhiệm tự giác thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và Pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, đấu tranh chống lại các biểu hiện vi phạm luật pháp cũng như những hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí ở địa phương .

Điều 13 : Các tầng lớp dân cư sinh sống ở phường có trách nhiệm tham gia xây dựng và thực hiện tốt các qui ước, nội qui của cộng đồng dân cư, tích cực tham gia các tổ chức tự quản .

Điều 14 : Mọi công dân phải tự giác, gương mẫu tham gia thực hiện các cuộc vận động trên địa bàn phường nhất là các chủ trương về thực hiện : dân số-kế hoạch hoá gia đình, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục trong việc cưới,việc tang, phòng chống các tệ nạn xã hội ...

Chương VI :

Những việc nhân dân giám sát, kiểm tra

Điều 15 : Những việc nhân dân ở phường giám sát, kiểm tra gồm có :

1 - Hoạt động của HĐND và UBND phường, đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp cư trú hoặc làm việc trên địa bàn phường .

2 - Kết qủa thực hiện Nghị quyết của HĐND phường .

3 - Giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân .

4 - Dự toán, quyết toán Ngân sách phường .

5 - Kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình do nhân dân đóng góp xây dựng và các chương trình do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư cho phường .

6 - Sử dụng và quản lý đất đai, tài sản công .

từng nơi, do nhân dân cử ra. Trưởng khu dân cư phối hợp với Trưởng ban công tác Mặt trận Tổ quốc ở khu dân cư quản lý và chỉ đạo hoạt động của các tổ chức tự quản .

Điều 20 : Mỗi khu dân cư phân thành các tổ dân phố (tổ nhân dân) . Tổ dân phố gồm các hộ gia đình sống liền kề, gần gũi nhau theo cùng xóm, ngõ, đường phố .

Tổ dân phố có tổ trưởng, tổ phó dân phố được các hộ gia đình trong tổ tín nhiệm bầu ra và được chính quyền phường công nhận .

Cơ chế hoạt động chủ yếu của tổ dân phố là :

- Thông qua các cuộc họp tổ dân phố, tổ trưởng hoặc tổ phó dân phố thực hiện chức năng, vai trò phổ biến, tuyên truyền, vận động, thuyết phục nhân dân trong tổ thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân, thực hiện những chủ trương cụ thể của chính quyền phường .

- Thông qua các cuộc họp tổ dân phố, (hoặc tổ trưởng, tổ phó dân phố, nhân dân trực tiếp tham gia ý kiến đóng góp hoặc tâm tư nguyện vọng chính đáng , kiến nghị, đề nghị với chính quyền phường những vấn đề thuộc về nội dung dân nguyện .

- Thực hiện việc hoà giải trong cộng đồng tổ dân phố .

Chương VIII

Tổ chức thực hiện

Điều 21 : UBND quận, thị xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện thí điểm qui chế tạm thời để rút kinh nghiệm, tiếp tục hoàn thiện .

HĐND, UBND phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh qui chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình .

Điều 22 : Nhân dân có nghĩa vụ chấp hành những qui định trong qui chế. Nghiêm cấm mọi hành động lợi dụng dân chủ, vi phạm pháp luật, vi phạm nội dung qui chế .

Điều 23 : Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị-xã hội thành phố hướng dẫn các tổ chức của mình ở các cấp thực hiện tốt nhiệm vụ được qui định trong qui chế này .

Điều 24 : Trong qúa trình thực hiện qui chế, các tổ chức, cá nhân có thành tích sẽ được khen thưởng, tổ chức, cá nhân nào vi phạm sẽ bị xử lý theo qui định của pháp luật hiện hành .

Qui chế này không thay thế các qui định hiện hành mà luật pháp và các văn bản có liên quan của UBND thành phố đã ban hành ./.

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

35

QUI CHẾ TẠM THỜI VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, THỊ TRẤN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 504/QĐ- UB ngày 04 tháng 4 năm 1998 của UBND thành phố Hải Phòng)

QUY CHẾ TẠM THỜI VỀ THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở XÃ, THỊ TRẤN

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: - Quy chế dân chủ ở xã nhằm mục đích:

Cụ thể hoá phương châm " Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng nông thôn mới đoàn kết, giàu đẹp, văn minh và bảo đảm công bằng xã hội.

Tạo điều kiện để nhân dân thiết thực tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội, ngăn chặn, đẩy lùi quan liêu, cửa quyền, tham nhũng, lãng phí, gây phiền hà cho dân, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, thực sự là chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Điều 2: Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của tổ chức Đảng cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở xã, thị trấn, đi đôi với nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn.

Điều 3: - Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, nằm trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật; quyền lợi đi đôi với nghĩa vụ; phát huy dân chủ đồng thời kiên quyết xử lý những hành vi lợi dụng dân chủ vi phạm Hiến pháp, pháp luật và xâm phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân.

Điều 4:- Phát huy dân chủ gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện dân sinh và nâng cao dân trí; bảo đảm quốc phòng an ninh; tạo điều kiện để nhân dân nắm vững pháp luật, hiểu rõ và sử dụng đúng quyền làm chủ của mình trong đời sống, kinh tế - xã hội và xây dựng Nhà nước.

CHƯƠNG II

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN CẦN BIẾT

Điều 5: - Những việc nhân dân ở xã, thị trấn cần biết :

1- Quyền và nghĩa vụ công dân (chương V Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

2- Chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, nhất là những chủ trương, chính sách có liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

3- Qui định của Nhà nước và địa phương về thủ tục hành chính giải quyết các công việc liên quan đến dân.

4- Chủ trương, nghị quyết, kế hoạch, qui hoạch, chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của xã, thị trấn như:

- Các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn liên quan đến nhân dân.

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm.

- Chương trình chuyển đổi mô hình HTX theo luật HTX mới.

- Quy hoạch, kế hoạch phân bổ dân cư và sử dụng đất đai.

- Thu chi ngân sách xã, thị trấn (bao gồm các khoản thu theo qui định của Nhà nước, các khoản thu theo qui định của xã, thị trấn).

- Thu, chi các loại quỹ có liên quan.

- Thu, chi các khoản đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng của xã, thị trấn, thôn, xóm, khu dân cư.

- Các chương trình dự án do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư cho địa phương.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra, giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng của cán bộ xã, thị trấn, thôn, xóm, khu dân cư.

- Kế hoạch vay vốn phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo .

- Chương trình dân số kế hoạch hoá gia đình.

- Điều chỉnh địa giới hành chính xã, thị trấn, thôn, xóm, khu dân cư.

- Công tác văn hoá, xã hội, phòng chống tệ nạn, giữ gìn an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội ...

Điều 6: - Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn có trách nhiệm phối hợp với Uỷ ban Mặt trân Tổ quốc, các đoàn thể xã, thị trấn và trưởng thôn, xóm, khu dân cư cung cấp thông tin kịp thời cho nhân dân biết thông qua các hình thức:

- Bằng văn bản gửi đến từng hộ gia đình.

- Hệ thống truyền thanh và các tổ chức văn hoá thông tin, tuyên truyền cơ sở.

- Các cuộc họp của Uỷ ban Mặt trậnTổ quốc, các đoàn thể, các hội, các cuộc họp của thôn, xóm , khu dân cư.

- Các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã, thị trấn.

- Các cuộc họp của nhân dân xã, thị trấn, thôn, xóm, khu dân cư.

22

- Niêm yết công khai tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn, thôn, xóm, khu dân cư.

- Tổng kết cuối năm, kiểm điểm hoạt động của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn, thôn, xóm, khu dân cư ; kiểm điểm công tác và tự phê bình trước dân của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn.

CHƯƠNG III

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN BÀN

Những việc nhân dân bàn và quyết định trực tiếp

Điều 7: - Nhân dân ở thôn, xóm, khu dân cư quyết định trực tiếp các công việc thuộc nội bộ cộng đồng dân cư như:

- Chủ trương, biện pháp và mức đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng của thôn, xóm, khu dân cư (đường điện, đường làng, ngõ xóm, nhà trẻ, các công trình văn hóa thể thao...).

- Lập, thu, chi các loại quỹ có liên quan ngoài qui định của Nhà nước và không trái pháp luật.

- Xây dựng hương ước, quy ước làng văn hoá, nếp sống văn minh, giữ gìn an ninh trật tự, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, các tệ nạn xã hội.

- Thành lập Ban giám sát công trình xây dựng do dân đóng góp.

-Tổ chức bảo vệ sản xuất...

Những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn quyết định

Điều 8:-Nhân dân ở xã, thị trấn bàn bạc, tham gia ý kiến trước khi Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn quyết định những công việc thuộc chủ trương, kế hoạch, qui hoạch, chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của xã, thị trấn như:

- Nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân.

- Dự thảo qui hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dài hạn và hàng năm.

- Phương án chuyển đổi mô hình HTX, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất.

- Dự thảo qui hoạch, kế hoạch phân bổ, sử dụng đất đai.

- Dự thảo phương án điều chỉnh địa giới hành chính xã, thị trấn.

- Dự thảo qui hoạch khu dân cư.

- Dự thảo kế hoạch triển khai các chương trình quốc gia về y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường.

- Dự thảo phương án phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Dự thảo đề án định canh, định cư, vùng kinh tế mới.

- Chủ trương và mức đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi công cộng của xã (điện, đường, trường học, trạm xá, nghĩa trang, các công trình văn hoá, thể thao...).

- Thăm dò ý kiến về bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn....

Những việc nhân dân bàn để thực hiện và tham gia đóng góp khi được trưng cầu ý kiến

Điều 9: Nhân dân ở xã, thị trấn bàn bạc, tham gia đóng góp ý kiến, đề xuất các biện pháp thực hiện gồm có:

- Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, nhất là những vấn đề có liên quan đến nông nghiệp, nông dân, nông thôn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp.

- Các phong trào hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở địa phương.

- Nhân dân hoặc đại biểu của dân bàn bạc, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, quyết định của Hội đồng nhân dân các cấp và Quốc hội khi được trưng cầu ý kiến.

Điều 10:- **Phương thức thực hiện những việc nhân dân bàn:**

1- Đối với những việc nhân dân bàn quyết định trực tiếp:

- Đảng uỷ lãnh đạo, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn hoặc Trưởng thôn, xóm, khu dân cư xây dựng phương án, chương trình, kế hoạch.

- Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn phối hợp với Uỷ ban Mặt trân Tổ quốc xã và thôn chỉ đạo, tổ chức nhân dân bàn, quyết định bằng một trong các hình thức:

+ Họp nhân dân hoặc đại diện hộ gia đình ở từng thôn, xóm, khu dân cư thảo luận và biểu quyết công khai, hoặc phiếu kín, lập biên bản gửi Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn.

+ Phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình.

Nếu đa số nhân dân hoặc hộ gia đình đồng ý và được Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn phê duyệt thì Trưởng thôn tổ chức thực hiện có sự giám sát, kiểm tra của Ban thanh tra nhân dân xã, thị trấn hoặc Ban giám sát công trình do dân cử.

2 - Đối với những việc nhân dân bàn, tham gia ý kiến, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân quyết định :

- Đảng uỷ lãnh đạo, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn chuẩn bị dự thảo các văn bản, kế hoạch, phương án.

- Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn phối hợp với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể ở xã, thị trấn chỉ đạo, tổ chức nhân dân bàn bằng một trong các hình thức:

+ Họp nhân dân hoặc đại diện hộ gia đình thôn, xóm, khu dân cư ghi biên bản thảo luận, biểu quyết gửi Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn tổng hợp.

+ Họp các đoàn thể, các tổ chức kinh tế để thảo luận, ghi biên bản biểu quyết gửi Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn tổng hợp.

+ Phát phiếu thăm dò hộ gia đình.

+ Đặt hòm thư góp ý, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn tổng hợp ý kiến.

+ Kết quả hội nghị và thăm dò ý kiến của nhân dân được đa số ý kiến tán thành, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân quyết định, bàn biện pháp tổ chức thực hiện.

+ Nếu kết quả thăm dò chưa được đa số nhân dân và các tổ chức quần chúng đồng ý thì Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân phải báo cáo đầy đủ, khách quan với Hội đồng nhân dân hoặc Uỷ ban nhân dân biết. Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân căn cứ luật pháp, các văn bản hướng dẫn của cấp trên xem xét, quyết định theo thẩm quyền,

3- Đối với những việc nhân dân bàn để thực hiện và tham gia đóng góp khi được trưng cầu ý kiến.

- Đảng uỷ lãnh đạo, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn chuẩn bị nội dung, tài liệu.

- Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng chỉ đạo tổ chức cho nhân dân bàn bằng một trong các hình thức:

+ Họp nhân dân hoặc đại diện hộ gia đình ở thôn, xóm, khu dân cư ghi biên bản thảo luận các biện pháp hoặc những ý kiến tham gia đóng góp gửi Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn tổng hợp.

+ Họp các đoàn thể, các tổ chức kinh tế để thảo luận ghi biên bản gửi về Uỷ ban nhân dân xã tổng hợp.

Sau khi tổng hợp tiếp thu những ý kiến của nhân dân, Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn chỉ đạo tổ chức thực hiện .

25

Những vấn đề nhân dân tham gia đóng góp ý kiến khi được trưng cầu phải được tổng hợp đầy đủ gửi lên cấp trên.

CHƯƠNG IV

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN LÀM

Điều 11: - Nhân dân ở xã, thị trấn có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của công dân (bao gồm nghĩa vụ với Nhà nước, tập thể, gia đình và cộng đồng).

Mọi chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, quyết định của cấp trên đã được triển khai có kế hoạch biện pháp thực hiện và những công việc Hội đồng nhân dân hoặc Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn quyết định thì mỗi người dân đều phải làm tròn trách nhiệm của mình.

Điều 12: - Những công việc thuộc nội bộ cộng đồng dân cư về " chủ trương và mức đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi của thôn, xóm, khu dân cư ". Sau khi đã được đa số nhân dân bàn bạc nhất trí tán thành, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn phê duyệt thì mỗi gia đình và mọi người dân đều phải thực hiện đầy đủ, bảo đảm công bằng xã hội .

Điều 13: -Những khoản dân ủng hộ với mục đích tương trợ, nhân đạo, từ thiện do chính quyền, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các Hội và các tổ chức xã hội phát động, vận động, nhân dân tham gia trên tinh thần tự nguyện .

CHƯƠNG V

NHỮNG VIỆC NHÂN DÂN GIÁM SÁT, KIỂM TRA

Điều 14: - Nhân dân ở xã , thị trấn giám sát, kiểm tra:

- Hoạt động của HĐND, UBND xã, thị trấn, đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp cư trú hoặc làm việc trên địa bàn xã, thị trấn.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn.

- Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của công dân.

- Dự toán và quyết toán ngân sách xã, thị trấn.

- Kết quả nghiệm thu và quyết toán công trình do nhân dân đóng góp xây dựng và các chương trình dự án do Nhà nước, các tổ chức và cá nhân đầu tư cho địa phương.

- Sử dụng và quản lý đất đai, tài sản công.

- Thu, chi các loại quĩ và lệ phí theo qui định của Nhà nước, các khoản đóng góp của nhân dân.

- Kết quả giải quyết các vụ việc tiêu cực, tham nhũng liên quan đến cán bộ xã, thị trấn.

- Việc thực hiện chế độ đối với các đối tượng trong diện chính sách.

- Việc thực hiện các qui ước, hương ước của thôn, xóm, khu dân cư...

Điều 15: - Phương thức thực hiện những việc dân giám sát, kiểm tra:

- Giám sát trực tiếp qua các kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã: đại diện các tổ chức đoàn thể được mời tham dự các kỳ họp Hội đồng nhân dân có quyền nêu những thắc mắc, kiến nghị của dân, yêu cầu Hội đồng nhân dân xem xét, giải quyết.

- Thông qua các tổ chức: Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh .

- Thông qua Thanh tra Nhà nước, Ban Thanh tra nhân dân được lập và hoạt động theo Pháp lệnh thanh tra.

- Thông qua Ban giám sát công trình xây dựng do dân cử.

- Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức tiếp dân, giải quyết kịp thời các kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng qui định của Pháp lệnh [" xét, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của công dân"] và "Qui chế tổ chức tiếp dân". khiếu nại, tố cáo

CHƯƠNG VI

DÂN CHỦ TRONG CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THÔN, XÓM, KHU DÂN CƯ

Điều 16: Thôn, xóm, khu dân cư không phải là một cấp chính quyền nhưng thôn, xóm, khu dân cư là nơi sinh sống của cộng đồng dân cư gắn bó với nhau từ lâu đời; là nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi nhất nhằm giải quyết các công việc trong nội bộ cộng đồng dân cư, bảo đảm đoàn kết, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; xây dựng nếp sống văn minh; tương trợ, giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống; giữ gìn, phát huy truyền thống tốt đẹp và thuần phong mỹ tục của cộng đồng; xây dựng gia đình hoà thuận, ấm no, hạnh phúc; cùng nhau thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ công dân và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 17: - Hội nghị thôn, xóm, khu dân cư được tổ chức 6 tháng một lần hoặc triệu tập bất thường gồm toàn thể cử tri hoặc đại diện hộ gia đình do Trưởng thôn, xóm, khu dân cư triệu tập và chủ trì nhằm:

+ Dân chủ bàn bạc, quyết định các công việc của nội bộ cộng đồng dân cư về sản xuất, xây dựng cơ bản, giải quyết việc làm, những vấn đề về văn

27

hoá, xã hội, vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự an toàn xã hội, xoá đói giảm nghèo, đoàn kết tương trợ giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống .

+ Bàn biện pháp thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, thị trấn, nghĩa vụ công dân và nhiệm vụ cấp trên giao.

+Thảo luận, góp ý kiến về báo cáo công tác và kiểm điểm trước dân của Trưởng thôn, xóm, khu dân cư của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn.

- Bầu, miễn nhiệm Trưởng thôn, xóm, khu dân cư; xây dựng hương ước, qui ước; cử các ban, nhóm tự quản ...

Nghị quyết của hội nghị có giá trị khi có ít nhất quá nửa số cử tri, số hộ gia đình hoặc nhóm hộ gia đình biểu quyết tán thành.

Điều 18: Trưởng thôn, xóm, khu dân cư, là đại diện cho chính quyền xã và đại diện cho cộng đồng dân cư, chịu sự quản lý và chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn. Trưởng thôn, xóm, khu dân cư do nhân dân bầu và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn phê chuẩn kết quả bầu cử.

Trưởng thôn, xóm, khu dân cư có nhiệm vụ và quyền hạn:

- Phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước và các văn bản của cấp trên.

- Hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức nhân dân thực hiện nghĩa vụ công dân, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ cấp trên giao.

-Phối hợp với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc triệu tập và chủ trì cuộc họp của thôn, xóm, khu dân cư, tổ chức thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư.

- Tổ chức thực hiện các công việc được Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn uỷ nhiệm.

- Hướng dẫn nhân dân phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xây dựng cơ bản của thôn, xóm, khu dân cư.

- Phối hợp với Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc quản lý và hướng dẫn hoạt động của các tổ chức tự quản (tổ hoà giải, ban an ninh, bảo vệ sản xuất, ban kiến thiết...).

- Phát hiện và báo cáo kịp thời với Uỷ ban nhân dân xã những hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích và quyền tự do dân chủ của công dân.

- Định kỳ 6 tháng báo cáo kết qủa công tác và tự phê bình, kiểm điểm trước hội nghị thôn, xóm, khu dân cư.

- Được tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng, được hưởng phụ cấp theo qui định của Uỷ ban nhân dân thành phố.

Điều 19: Thôn, xóm, khu dân cư xây dựng hương ước, qui ước về công việc trong nội bộ dân cư, kế thừa và phát huy thuần phong mỹ tục của cộng

đồng, phù hợp với qui định của pháp luật nhằm bài trừ hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội, xây dựng nông thôn mới giàu đẹp, văn minh, kỷ cương, đoàn kết. Hương ước, qui ước do nhân dân tự nguyện xây dựng, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện phê duyệt.

Điều 20: -Thôn, xóm, khu dân cư có thể thành lập các ban, nhóm tự quản như ban hoà giải, tổ bảo vệ sản xuất, ban kiến thiết... Các tổ chức này do dân bầu, Trưởng thôn quản lý và chỉ đạo.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21: -Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn chịu trách nhiệm tổ chức, thực hiện nghiêm chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân thực hiện quyền làm chủ được cụ thể hoá trong qui chế này.

Nhân dân có nghĩa vụ chấp hành nghiêm chỉnh những qui định trong qui chế này.

Trong quá trình thực hiện, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã, thị trấn và Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc cần biểu dương, khen thưởng (cả tinh thần và vật chất) cho những đơn vị, cá nhân có thành tích thực hiện tốt bản qui chế này, ngược lại nếu đơn vị và cá nhân nào cố tình vi phạm gây ảnh hưởng xấu phải có biện pháp xử lý theo qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 22: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện có trách nhiệm chỉ đạo HĐND, UBND xã, thị trấn thực hiện thí điểm qui chế để rút kinh nghiệm, tiếp tục hoàn thiện.

Điều 23:- Ban Tổ chức chính quyền thành phố có trách nhiệm, hướng dẫn, theo dõi thực hiện qui chế này. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các cơ quan chuyên môn cấp dưới kiểm tra tài chính và thu chi ngân sách của xã, thị trấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ tài chính xã, thị trấn. Thanh tra Nhà nước thành phố có trách nhiệm hướng dẫn công tác thanh tra, kiểm tra ở xã, thị trấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ cho Ban Thanh tra nhân dân xã, thị trấn. Sở Tư pháp và Sở Văn hoá thông tin có trách nhiệm hướng dẫn xây dựng và thực hiện các hương ước, qui ước ở cơ sở.

Điều 24: - Đề nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc thành phố, các đoàn thể chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra; Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp dưới thực hiện tốt nhiệm vụ được qui định trong qui chế này.

Điều 25:- Quy chế này không thay thế các văn bản pháp qui đã ban hành .

QUY CHẾ TẠM THỜI THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở TRƯỜNG HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 504/QĐ-UB
ngày 04 tháng 4 năm 1998 của UBND thành phố Hải Phòng)

CHƯƠNG 1: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.

Điều 1: Quy chế dân chủ trong trường học cụ thể hóa quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong nhà trường thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhằm phát huy trí tuệ và trách nhiệm của người dạy, người học và thông qua các cuộc vận động xã hội hóa giáo dục để xây dựng nhà trường XHCN, phát triển giáo dục-đào tạo phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH thành phố và đất nước.

Điều 2: Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, trong khuôn khổ của Hiến pháp, pháp luật, phù hợp và phát huy được truyền thống, bản sắc dân tộc: Cần cù, hiếu học, thông minh-sáng tạo, tôn sư trọng đạo, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, lãnh đạo của nhà trường và xây dựng cho học sinh, sinh viên các tri thức về dân chủ, thực hành dân chủ trong nhà trường và trong đời sống xã hội.

Điều 3: Quy chế dân chủ trong trường học là cơ sở để các cấp, các ngành và nhân dân đều có quyền giám sát, kiểm tra, góp ý kiến xây dựng nhà trường; bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và phát huy mạnh mẽ vai trò của Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Hội sinh viên, Hội đồng giáo dục các cấp, Hội cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội khác trong việc thực hiện dân chủ.

CHƯƠNG 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỌC SINH, SINH VIÊN.

Điều 4: Học sinh trong các trường phổ thông có quyền sau đây:

1. Được đề nghị nhà trường tạo điều kiện thuận lợi (trong khả năng cho phép) để học tập, rèn luyện, vui chơi giải trí nhằm phát triển toàn diện về: trí tuệ, năng khiếu, thể lực và trao dồi đạo đức.

2. Được quyền tham gia các công việc chung của lớp, trường; có quyền yêu cầu các tổ chức trong trường giúp đỡ, tạo điều kiện để phấn đấu vào Đội, vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và tham gia sinh hoạt các tổ chức của học sinh.

3. Được nhà trường thông báo đầy đủ về nội quy, quy chế, kế hoạch, chương trình học tập, sinh hoạt và các khoản đóng góp do Nhà nước quy định trong năm học.

4. Được quyền biết các thông tin liên quan trực tiếp đến bản thân như: kết quả thi, kiểm tra, xếp loại các mặt giáo dục, khen thưởng, kỷ luật... và có quyền khiếu nại về các vấn đề đó, nếu thấy chưa công bằng, hợp lý.

5. Có quyền trực tiếp (hoặc thông qua đại diện, tổ chức của mình) góp ý kiến với giáo viên, Ban giám hiệu, các cấp quản lý giáo dục về trách nhiệm quyền lợi và nghĩa vụ của học sinh.

6. Được quyền nhập học, chuyển trường theo đúng các văn bản quy định hiện hành.

***Điều 5*: Học sinh, sinh viên trong các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp-dạy nghề có các quyền như quy định tại điều 4 và:

1. Được nhận vào đúng ngành nghề nếu đủ các điều kiện theo quy chế tuyển sinh của nhà trường; được chuyển trường, ngành nghề đào tạo nếu đủ điều kiện quy định; được nhà trường giúp đỡ tìm việc làm khi ra trường (như: cung cấp thông tin, cấp giấy giới thiệu, hồ sơ để HS, SV tự tìm việc làm...).

2. Được quyền sử dụng các trang thiết bị kỹ thuật, thư viện...(theo nội quy của nhà trường) để phục vụ học tập, nghiên cứu; được khuyến khích học tập, nghiên cứu theo chương trình cá nhân cùng một lúc ở nhiều trường, nhiều ngành, thi lấy nhiều bằng, tham gia thi học sinh giỏi, nghiên cứu khoa học phát huy tài năng; được đề nghị chọn thầy hướng dẫn làm đề án tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học...

3. Học sinh, sinh viên hệ chính quy được hưởng quyền lợi vật chất và tinh thần theo chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước (như: tạm hoãn thực hiện nghĩa vụ quân sự trong thời bình, được cấp học bổng nếu đạt tiêu chuẩn quy định...); HS, SV thuộc diện chính sách được hưởng trợ cấp xã hội, HS, SV nghèo vượt khó có thể được xét trợ cấp khó khăn, miễn giảm học phí tùy theo điều kiện của trường; được xét vay tiền của ngân hàng từ quỹ tín dụng đào tạo; được quan tâm đến bảo hộ và an toàn lao động trong thực tập; được hưởng một phần thành quả nghiên cứu khoa học, kết quả lao động sản xuất, thực hành kỹ thuật do mình tạo ra.

4. Được quyền cử đại diện tham gia vào các Hội đồng ở nhà trường có liên quan đến học sinh, sinh viên (như Hội đồng khen thưởng, kỷ luật; Hội đồng xét học bổng...); được đề nghị tạo điều kiện giúp đỡ, tìm hiểu, phấn đấu vào Đảng Cộng sản Việt Nam, khuyến khích tham gia các hoạt động Đoàn, Hội sinh viên, các tổ chức tự quản để thực hiện hoạt động văn hóa, TDTT, các hoạt động xã hội lành mạnh phù hợp với mục tiêu giáo dục của trường.

Điều 6: Phương thức thực hiện các quyền của học sinh, sinh viên:

1- Ngay từ đầu năm học, học sinh, sinh viên được nhà trường tổ chức học tập, thảo luận về tất cả các vấn đề có liên quan: mục tiêu, chương trình đào tạo và quyền lợi, nghĩa vụ của học sinh, sinh viên-công dân; các nội quy, quy chế của các cấp quản lý.

2- Các ý kiến của học sinh, sinh viên có thể phản ánh, góp ý thông qua lớp, Chi đoàn, Hội sinh viên, giáo viên chủ nhiệm hoặc trực tiếp với các cấp quản lý để đảm bảo đúng quy chế, quyền lợi nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên.

3- Mỗi học kỳ một lần, lãnh đạo trường trực tiếp gặp gỡ, trao đổi với đại diện học sinh, sinh viên để thực hiện đúng chế độ chính sách, những chủ trương của Nhà nước, những quy định của trường và mục tiêu đào tạo.

4- Có hòm thư phản ánh trực tiếp với Hiệu trưởng hoặc các hình thức góp ý khác vừa đảm bảo dân chủ, vừa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của học sinh, sinh viên. Các ý kiến phản ánh, đóng góp phải được lãnh đạo nhà trường tập hợp, nghiên cứu trả lời, giải đáp chậm nhất không quá 10 ngày. Những vấn đề cấp cơ sở không giải quyết được, phải báo cáo với cấp quản lý trực tiếp.

Điều 7: Học sinh, sinh viên có những nghĩa vụ cơ bản sau đây:

1- Nhận thức đúng đắn về dân chủ trong nhà trường, có ý thức đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của công dân, hiểu rõ dân chủ phải đi đôi với kỷ luật trong học tập rèn luyện và các hoạt động khác của nhà trường.

2- Thi đua học tập đạt kết quả cao, hình thành ý thức trong học tập: chủ động, tích cực, sáng tạo, ham mê nghiên cứu tìm tòi khoa học.

3- Thường xuyên rèn luyện về đạo đức, nhân cách, tinh thần kỷ luật, bảo vệ, giữ gìn tài sản công cộng, nền nếp trong học tập, nghiên cứu.

4- Rèn luyện phong cách giao tiếp, ứng xử lịch sự, văn minh trong xã hội và lễ độ, kính trọng đối với thầy, cô giáo, tôn trọng và giúp đỡ bạn bè.

5- Tích cực tham gia mọi hoạt động xã hội, từ thiện,...kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực trong nhà trường và xã hội. Nghiêm cấm học sinh, sinh viên mua bán, vận chuyển, tiêm chích, hút hít ma túy, uống rượu, đánh bạc lưu hành văn hóa phẩm đồi trụy và các biểu hiện vi phạm đạo đức khác; có trách nhiệm phát hiện, báo cáo với lãnh đạo nhà trường hoặc các cơ quan chức năng những người vi phạm.

6- Tích cực tham gia lao động, hoạt động văn nghệ, TDTT, rèn luyện thân thể góp phần xây dựng nhà trường XHCN.

7- Học sinh, sinh viên không được tự ý thành lập hoặc tham gia hoạt động trong các Hội, các tổ chức chính trị khi chưa được phép của Hiệu trưởng và các cơ quan có thẩm quyền theo luật định. Có ý thức cảnh giác, giữ gìn bí mật quốc gia.

8- Khi có nhu cầu của Nhà nước, học sinh, sinh viên tốt nghiệp phải nghiêm chỉnh chấp hành sự phân công đến làm việc tại nơi quy định trong một thời gian nhất định.

CHƯƠNG III: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁO VIÊN, CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN.

Điều 8: Giáo viên, CBCNV có quyền được biết, được thảo luận và giám sát các vấn đề:

1. Kế hoạch đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động trong năm học của trường.

2. Kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất lớn; xây dựng các ngành học mới, tổ chức bộ máy, các lớp học mới mở, các loại hình đào tạo chính quy, không tập trung.

3. Các nguồn thu, chi của trường, đặc biệt là các khoản thu chi về học phí, đóng góp của học sinh, sinh viên; thu từ hoạt động dịch vụ, sản xuất, tài trợ... những vấn đề liên quan đến đời sống vật chất và tinh thần của giáo viên, CBCNV; đánh giá nhận xét học sinh- sinh viên.

4. Được sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường để phục vụ cho giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

5. Được trình bày hoặc khiếu nại những vấn đề liên quan đến cá nhân mình.

Điều 9: Trách nhiệm của giáo viên, CBCNV:

1. Hoàn thành có hiệu quả và chất lượng các chương trình giảng dạy, nhiệm vụ công tác được giao trong kỳ học, năm học.

2. Thực hiện phong trào thi đua dạy tốt, phát huy tính tích cực lao động sáng tạo trong dạy và giáo dục học sinh, sinh viên. Không ngừng bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, đạo đức, truyền thống nhà giáo Việt Nam và trình độ chuyên môn nghiệp vụ; tích cực tham gia các hoạt động giáo dục và đào tạo trong nhà trường.

3. Tôn trọng và giúp đỡ đồng nghiệp; tôn trọng nhân cách, thương mến, công bằng với học sinh, sinh viên; giữ mối quan hệ thường xuyên với cha mẹ học sinh.

4. Không tự ý tổ chức dạy thêm, học thêm, thu các khoản không đúng quy định của Nhà nước.

***Điều 10*:** Cán bộ, giáo viên, công nhân viên trong nhà trường thực hiện quyền dân chủ:

- Thông qua các tổ chức đại diện trong trường như Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

- Thông qua Đại hội CNVC hàng năm hoặc Hội nghị bất thường.

- Thông qua các thành viên trong Hội đồng giáo dục nhà trường.

- Trực tiếp góp ý với lãnh đạo các cấp và các bộ phận trong nhà trường.

- Thông qua đối thoại trực tiếp theo định kỳ giữa lãnh đạo trường với cán bộ, công nhân viên, giáo viên.

- Thông qua hệ thống thanh tra nhân dân.

CHƯƠNG IV: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CHA MẸ HỌC SINH, SINH VIÊN.

***Điều 11*:** Quyền của cha mẹ học sinh, sinh viên:

1. Được nhà trường thông tin đầy đủ những vấn đề liên quan trong mỗi năm học như: những chủ trương, chính sách, quy định của Nhà nước về công tác giáo dục-đào tạo; những chế độ mà học sinh, sinh viên được hưởng; những khoản đóng góp của học sinh, sinh viên.

2. Được quyền yêu cầu lãnh đạo trường thông tin đầy đủ về kết quả học tập, hạnh kiểm và những vấn đề liên quan trực tiếp đến con em mình.

3. Được quyền phản ánh, góp ý trao đổi trực tiếp (hoặc thông qua Hội đồng giáo dục, Hội cha mẹ học sinh) với lãnh đạo Nhà trường, thầy cô giáo về tất cả những vấn đề liên quan đến công tác giáo dục trong nhà trường.

Điều 12: Trách nhiệm của cha mẹ học sinh, sinh viên:

1. Quản lý tốt việc học tập của con, em khi ở nhà và chăm lo việc giáo dục đạo đức cho các em khi sống ở gia đình và địa phương. Đồng thời chủ động phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với thầy giáo, cô giáo và nhà trường trong việc quản lý, giáo dục đạo đức của con em mình và của học sinh, sinh viên khác (nếu biết).

2. Đóng góp đầy đủ những khoản thu theo quy định cho con em mình với nhà trường.

Điều 13: Phương thức thực hiện dân chủ của cha mẹ học sinh:

- Thông qua Hội cha mẹ học sinh để thực hiện quyền dân chủ trong trường học (theo định kỳ và đột xuất).

- Đầu năm học, sau học kỳ I, trước tổng kết năm học nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh để thông báo kết quả học tập của học sinh và những vấn đề chung của nhà trường.

CHƯƠNG V: TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO NHÀ TRƯỜNG.

***Điều 14*:** Tổ chức Đảng trong nhà trường hoạt động theo Điều lệ Đảng và quy chế, hướng dẫn của Trung ương. Mọi hoạt động trong nhà trường, các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội, hội đồng trường đặt dưới sự lãnh đạo, kiểm tra của tổ chức Đảng hoặc đại diện của tổ chức Đảng nơi đó (nơi chưa có chi bộ Đảng).

Điều 15: Hiệu trưởng, dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và sự phối hợp với các tổ chức chính trị, xã hội trong trường, là người chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ giáo dục-đào tạo theo đúng quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định của ngành; tiếp thu các ý kiến của HS, SV cha mẹ, học sinh, giáo viên, cán bộ CNV, giải quyết theo đúng chế độ, chính sách hiện hành và nội quy, quy chế của nhà trường với quyền hạn và trách nhiệm của mình, đồng thời thông báo kết quả giải quyết cho đương sự được biết.

Hiệu trưởng phải là người chỉ đạo chuẩn bị các chương trình, đề án đưa ra tập thể lãnh đạo (Ban giám hiệu, cấp ủy, lãnh đạo các tổ chức chính trị trong trường) thảo luận trước khi đưa ra lấy ý kiến rộng rãi; gương mẫu và tích cực đấu tranh với những biểu hiện tiêu cực trong quản lý và giáo dục-đào tạo của trường.

Điều 16: Những vấn đề chung thuộc phạm vi quản lý của nhà trường nhất thiết phải có chương trình, đề án, thông báo công khai và tổ chức lấy ý kiến tham gia của HS, SV (hoặc cha mẹ học sinh), giáo viên, CNV trước khi xem xét quyết định:

1. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và những biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua dạy tốt và học tốt; các biện pháp xây dựng đội ngũ, chống các tệ nạn xã hội; các hoạt động văn hóa văn nghệ-TDTT trong nhà trường.

2. Kế hoạch tổ chức dạy thêm, học thêm cho học sinh của lớp, của trường (đối tượng học, mức thu học phí hay đóng góp...).

3. Công khai các khoản đóng góp của học sinh hoặc cha mẹ học sinh, sinh viên (theo các quy định hiện hành) và kết quả sử dụng các khoản thu đó.

4. Khen thưởng,kỷ luật học sinh, sinh viên.

5. Hiệu trưởng có trách nhiệm:

- Đầu năm học (vào tháng 9, 10) tổ chức Đại hội CNVC để báo cáo tình hình mọi mặt của nhà trường và thu thập ý kiến của giáo viên, CBCNV đối với mọi công việc của nhà trường.

- Hai tháng một lần Hiệu trưởng phải triệu tập Hội nghị liên tịch gồm Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng, đại biểu Công đoàn, Đoàn TN để mỗi bên thông báo tình hình và các chủ trương công tác của mình, đồng thời để trao đổi và phối hợp công tác từng thời kỳ giữa các tổ chức trong trường. Trong Hội nghị liên tịch, mời đại diện của Chi bộ đảng dự.

- Thực hiện chế độ báo cáo thường kỳ và bất thường với tổ chức cơ sở Đảng và với cấp trên về tình hình mọi mặt của nhà trường.

Điều 17: Các phòng, ban, khoa, tổ bộ môn trong trường phải thực hiện đầy đủ chức trách được phân công, được Hiệu trưởng ủy nhiệm giải quyết công việc liên quan đến HS, SV, cha mẹ học sinh hoặc giáo viên, CNV trong trường; không được gây phiền hà, những nhiễu, đùn đẩy trách nhiệm.

Điều 18: Các tổ chức chính trị-xã hội trong nhà trường động viên, giáo dục đoàn viên, đội viên, hội viên của tổ chức mình thi đua dạy tốt, học tốt, tham gia các hoạt động xã hội; bảo vệ quyền lợi chính đáng, đúng pháp luật của các thành viên trong tổ chức mình; đấu tranh với những tệ nạn xã hội, những việc làm thiếu dân chủ.

CHƯƠNG VI : TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

Điều 19: Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân và các đoàn thể các cấp có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện quy chế tạm thời thực hiện dân chủ ở nhà trường.

Điều 20: Các học sinh, sinh viên, giáo viên, cán bộ công nhân viên ngành giáo dục-đào tạo và cha mẹ học sinh, sinh viên có trách nhiệm và nghĩa vụ chấp hành bản quy chế tạm thời này.

Điều 21: Các cơ quan, đoàn thể xã hội có trách nhiệm kiểm tra giúp đỡ các trường học thực hiện.

Điều 22: Quy chế này được thực hiện ở các trường học và cơ sở giáo dục-đào tạo thuộc ngành giáo dục-đào tạo trong toàn thành phố (trừ các trường học mầm non, tư thục), nhưng không thay thế các văn bản pháp quy của Nhà nước, ngành.

****